

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 15- 3- 2021  
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc*

*Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tất Dũng*

*2. Bà Phạm Thị Hồng Hạnh*

*Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thanh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.*

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 269/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1986 - Có mặt

Nơi cư trú: Thôn K, xã QT, huyện HL, tỉnh LS.

**2. Bị đơn: Anh Trần Văn S**, sinh năm 1984 - Vắng mặt

Nơi cư trú: Xóm VH, xã VH, huyện ĐH, tỉnh TN.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

[1]. Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th trình bày:

Chị và anh Trần Văn S kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VH, huyện ĐH, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm VH, huyện ĐH, tỉnh TN. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, xô xát. Nguyên nhân do anh S hay chơi cờ bạc, không tu chí làm ăn, ghen

tuông mù quáng, thi thoảng còn đánh đập, hành hạ sỉ nhục vợ. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay.

Nay chị xác định cuộc hôn nhân giữa chị và anh S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị Ph, sinh ngày 16/6/2017, hiện đang sống cùng với chị. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con chị có nhà ở, thu nhập ổn định để nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2]. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn S theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, anh S không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định; do vậy, Tòa án không xác định được lời khai của anh S và không tiến hành hòa giải được.

[3]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương nơi cư trú của đương sự về tình trạng hôn nhân. Kết quả xác định: Quá trình chung sống anh S và chị Th có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng đã sống ly thân, chị Th đã về bên quê ngoại Lạng Sơn sống được hơn một năm nay. Anh S đã biết việc Tòa án đang giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng Anh, nhưng do công việc Anh đi làm ăn xa không về được, quan điểm Anh nhất trí ly hôn. Về con chung, vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Trần Thị Ph hiện đang sống cùng với mẹ. Anh S cũng nhất trí để con chung cho chị Th nuôi dưỡng.

[4]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 28, 35, 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quyết định:

+ *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Th, cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Trần Văn S.

+ *Về con chung*: Giao con chung là Trần Thị Ph, sinh ngày 16/6/2017 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết vì chị Th chưa có yêu cầu.

+ *Về tài sản chung, công nợ chung*: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

+ *Án phí*: Chị Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1]. Về tố tụng:**

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th với bị đơn anh Trần Văn S, đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xã VH, huyện ĐH, tỉnh TN. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Trần Văn S theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự; tuy nhiên, anh Trần Văn S không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án; do vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử công khai. Tại phiên tòa anh Trần Văn S vắng mặt lần thứ hai không có lý do, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Trần Văn S.

### **[2]. Về nội dung vụ án:**

+ *Quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn S kết hôn năm 2016, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VH, huyện ĐH, tỉnh TN trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm VH, huyện ĐH, tỉnh TN. Quá trình chung sống vợ chồng không có hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã sống ly thân 02 năm.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa chị Nguyễn Thị Th và anh Trần Văn S đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Th là có cơ sở chấp nhận, cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Trần Văn S là phù hợp với các quy định của pháp luật.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị Ph, sinh ngày 16/6/2017. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Th đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung và chưa yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại con chung đang sống cùng với chị Th, cuộc sống ổn định, chị Th có nhà ở và có thu nhập ổn định đảm bảo các điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi vợ chồng ly hôn thì cần giao con chung là Trần Thị Ph cho chị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Th chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

+ *Về tài sản chung, công nợ chung*: Đương sự không có yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

**[3]. Về án phí**: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

**Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị Th, cho chị Nguyễn Thị Th được ly hôn với anh Trần Văn S.

**2. Về con chung**: Áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung là Trần Thị Ph, sinh ngày 16/6/2017 cho chị Nguyễn Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung đối với anh Trần Văn S vì chị Nguyễn Thị Th chưa có yêu cầu.

Anh Trần Văn S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

**3. Về tài sản chung, công nợ chung:** Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

**4. Án phí:** Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Th phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006559 ngày 25/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Nguyễn Thị Th đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Nguyễn Thị Th, vắng mặt anh Trần Văn S. Báo cho chị Th biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã VH, huyện ĐH;
- UBND xã QT, huyện HL, tỉnh LS;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Lê Huy Bắc**